

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trúc

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị N1 - Sinh năm 1978

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn D - Sinh năm 1973

Trú tại: Xóm 9, xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt chị N1, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2017, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đào Thị N1 trình bày: Chị và anh D chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 18/01/2010 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn và được UBND xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng không thể sống chung với nhau được nữa nên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay, chị N1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Thị N2 sinh ngày 01/7/1996, hiện nay cháu đang học đại học. Cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh ở với ai do cháu quyết định.

Về tài sản chung: Chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 11 năm 2017, anh Lê Văn D trình bày: Tôi và cô Đào Thị N1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 đến năm 1996 sinh đ-ợc cháu Lê Thị N2, do hiểu biết pháp luật hạn chế nên khi đó chúng tôi không đi đăng ký kết hôn. Đến năm 2010 tôi và cô N1 mới đi đăng ký kết hôn và đ-ợc UBND xã S cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn do tính tính không hợp dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2016 đến nay. Tôi xét thấy vợ chồng không thể sống chung với nhau đ-ợc nên cô N1 xin ly hôn tôi cũng đồng ý.

- Về con chung: Tôi và cô N1 có một con chung tên là Lê Thị N2 sinh ngày 01/7/1996 cháu đã tr-ởng thành, ở với ai do cháu quyết định.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng tôi và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi tại các phiên họp, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N1 nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh D có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại xóm 9, xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Chị N1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Anh D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị N1 và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp và đã sống ly thân một thời gian dài, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị N1 xin ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N1 và anh D.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Thị N2 sinh ngày 01/7/1996. Cháu N2 đã trưởng thành, khỏe mạnh, ở với bố hoặc mẹ do cháu quyết định.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đào Thị N1 và anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Chị Đào Thị N1 và anh Lê Văn D có 1 con chung là cháu Lê Thị N2 sinh ngày 01/7/1996. Cháu N2 đã trưởng thành, ở với bố hoặc mẹ do cháu quyết định.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001006 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị N1 đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu